

Bản án số: **103/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/6/2025

V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Hiếu.

2. Ông Trần Hoàng Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2025, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2025 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Quyền T**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Bùi Hoài H**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Quyền T trình bày: Vào năm 2011, bà T và ông H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã A cấp ngày 27/12/2011. Vợ chồng có 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc H1, ngày sinh 06/07/2012 và Bùi Phúc L, ngày sinh 16/06/2020. Các cháu đang sống chung với bà Trang. Do ông H có tánh hay ghen, mỗi lần uống rượu say về nhà kiểm chuyện chửi và đánh bà. Bà T nhận thấy không thể chung sống nên dắt con đi thành phố làm ăn mong ông H ở nhà sửa đổi tánh nết nhưng

ông H không sửa đổi. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể duy trì được nên nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu được ly hôn với ông Bùi Hoài H.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Ngọc H1 và Bùi Phúc L đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con (thay đổi so với đơn khởi kiện là bà yêu cầu ông Bùi Hoài H cấp dưỡng nuôi con với mức mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Hoài H trình bày: Ông H thừa nhận lời trình bày của bà T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn là hoàn toàn đúng sự thật. Về mâu thuẫn, theo bà T trình bày là không đúng, chuyện vợ chồng trong gia đình đôi lúc có lời qua tiếng lại, vợ chồng có cự cãi với nhau. Bà T bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 9/2024 và sau đó về gửi đơn ly hôn với ông. Nay ông H không đồng ý ly hôn với bà T vì ông H còn thương vợ và con. Nếu sau này Tòa án có giải quyết cho bà T ly hôn với ông H thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Bùi Phúc L, sinh ngày 16/06/2020 đến khi con đủ 18 tuổi, đồng ý giao cháu Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 06/07/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi vì cháu H1 muốn sống với mẹ. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung là cháu H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi; giao cháu L cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; Ghi nhận các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Quyền T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu này là tự nguyện nên cần được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà T và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà T và ông H sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Tại phiên tòa, bà T đã kiên quyết ly hôn, không muốn hàn gắn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trang.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung tên Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 06/07/2012 và Bùi Phúc L, sinh ngày 16/06/2020, hiện các cháu đều sống chung với bà T (cháu H1 được bà T mang theo từ tháng 9/2024 đến nay, còn cháu L sống với ông H và cũng được bà T mang theo cách nay khoảng mười mấy ngày). Xét thấy, bà T và ông H đều có yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung, cháu H1 có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Trang. Về điều kiện nuôi con: Hiện bà T đi làm tại Bình Dương, ở trọ, thu nhập từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng (bà T có cung cấp Bảng lương nhưng trên bảng lương không ghi thời gian lãnh lương vào ngày tháng năm nào); Ông H thì sống tại nhà chung của vợ chồng và làm vườn khoảng hơn 05 công tại Ấp 4, xã Ba Trinh, mỗi năm thu nhập từ 60.000.000 đồng – 70.000.000 đồng (được bà T xác nhận là đúng) và làm thuê mỗi tháng thu nhập từ 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng/tháng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, đồng thời đảm bảo quyền được nuôi con chung của bà T và ông H. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần giao cháu H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, giao cháu L cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung qua lại cho bà T và ông H, không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc bà T và ông H không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Quyền T về yêu cầu ly hôn và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Thị Ngọc H1; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Quyền T về yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu Bùi Phúc L .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Quyền T được ly hôn với ông Bùi Hoài H.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Bùi Thị Ngọc H1, sinh ngày 06/07/2012 cho bà Lê Thị Quyền T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi.

Buộc bà Lê Thị Quyền T giao cháu Bùi Phúc L , sinh ngày 16/06/2020 cho ông Bùi Hoài H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Bà Lê Thị Quyền T và ông Bùi Hoài H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung qua lại, không ai có quyền ngăn cản.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc Lê Thị Quyền T và ông Bùi Hoài H không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Lê Thị Quyền T phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001321 ngày 08/5/2025 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa